

问候 wènhòu Greeting

Drag the pictures and drop to their correct definition .

 早饭	
 晚安	
 中午好	
 下午好	
 高兴	



Sentence Building

What is your name?

jiào
叫

shénme
什么

nǐ
你

míngzi
名字

What is your country?

nǐ
你

rén
人

nǎ guó
哪国

shì
是

I am Thai.

shì
是

wǒ
我

rén
人

tàiguó
泰国

Nice to meet you too.

gāoxìng
高兴

hěnn
很

rènshi
认识

nǐ
你

I know you very early.

wǒ
我

nǐ
你

rènshi
认识

hěnzǎo
很早